

Số: 19/BC-THCSHL

Mường Thanh, ngày 14 tháng 06 năm 2026

## BÁO CÁO

### THƯỜNG NIÊN TRƯỜNG THCS HIM LAM NĂM 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

#### I. THÔNG TIN CHUNG

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường THCS Him Lam, Phường Mường Thanh, Tỉnh Điện Biên

**2. Địa chỉ:**

- Tổ 4 - Khe Chít, Phường Mường Thanh, Tỉnh Điện Biên

- Cổng thông tin điện tử: Kênh truyền thông chính thức của trường THCS Him Lam gồm:

+ Cổng thông tin điện tử có địa chỉ: <http://thcshimlam.muongthanh.edu.vn>.

+ Các trang điện tử có địa chỉ:

\* Gmail: noibo.thcshimlam3@gmail.com

\* Facebook: HimLam Dbp Truong

**3. Loại hình:** Trường THCS công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND Phường Mường Thanh.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:**

**4.1. Tầm nhìn:** Là một trong những cơ sở giáo dục THCS của Thành phố Điện Biên mà học sinh trên địa bàn thành phố và vùng lân cận sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi cán bộ, giáo viên, học sinh luôn có khát vọng sáng tạo và phát triển.

**4.2. Sứ mệnh:** Tạo dựng môi trường giáo dục nề nếp, kỷ cương, thân thiện, toàn diện, trọng điểm chất lượng cao, điển hình về dạy- học ngoại ngữ để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, năng lực và tư duy sáng tạo.

**4.3. Mục tiêu:** Xây dựng nhà trường là điểm sáng về chất lượng giáo dục toàn diện, là trường điển hình về dạy học ngoại ngữ của tỉnh Điện Biên.

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

Trường THCS Him Lam, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên được thành lập năm 2001. Khi mới thành lập, trường mang tên Trường PTCS Noong Bua, thị xã Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên).

Đến tháng 8 năm 2003, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên); Thị ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã Điện Biên Phủ (sau này là thành phố Điện Biên Phủ) và sự hỗ trợ của Công ty Cổ phần Him Lam, nhà trường được đầu tư xây dựng và trao tặng một cơ sở giáo dục khang trang, hiện đại trên diện tích 15.184 m<sup>2</sup>, gồm 20 phòng học với 800 chỗ

ngôi; 05 phòng học chức năng (01 phòng lab, 02 phòng tin học, 01 phòng thí nghiệm Vật lý, 01 phòng Hóa - Sinh); cùng các hạng mục phụ trợ như: phòng truyền thống, thư viện, nhà đa năng, phòng y tế, khu hiệu bộ với đầy đủ phòng làm việc cho Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, phòng hành chính và hệ thống sân chơi, bãi tập. Trên cơ sở cơ sở vật chất mới được đầu tư xây dựng, năm 2003 nhà trường được đổi tên thành Trường THCS Him Lam, thị xã Điện Biên Phủ, tỉnh Lai Châu.

Sau khi tỉnh Điện Biên được thành lập, đến năm 2004, trường chính thức mang tên Trường THCS Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Tháng 7 năm 2025, thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp, Trường THCS Him Lam trực thuộc sự quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên. Nhà trường tiếp tục ổn định tổ chức, phát huy truyền thống, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

#### **\* Các thời kì phát triển**

- Từ 8/2001-8/2008: Thời kì vượt khó đi lên:

Đây là giai đoạn trường mới được thành lập, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, quy mô trường lớp vào khoảng 8 đến 12 lớp và có 250 - 280 học sinh, chủ yếu các em đều trên địa bàn phường Noong Bua. Vượt qua khó khăn gian khổ, trường hoàn thành tốt nhiệm vụ nâng cao dân trí trên địa bàn phường, liên tục đạt "Tập thể Lao động tiên tiến".

- Từ tháng 9/2008 - nay: Thời kì phát triển, khẳng định chất lượng giáo dục:

Bắt đầu từ năm học 2008 - 2009, được sự quan tâm của Thành ủy - HĐND - UBND thành phố Điện Biên Phủ; sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục - Đào tạo, nhà trường được mở rộng tuyển sinh các lớp ngoài địa bàn, được đầu tư đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất được tăng cường, trường trở thành trường trọng điểm về chất lượng giáo dục của thành phố và của tỉnh.

Quy mô trường từ 16 lớp lên đến 27 lớp và từ 600 học sinh lên đến 1138 học sinh. Chất lượng chuyên lớp hàng năm đạt tỉ lệ 99% - 100%; tốt nghiệp 100%. Liên tục từ năm học 2011- 2012 đến nay (13 năm học) trường đạt "Tập thể Lao động xuất sắc", được UBND tỉnh Điện Biên, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thủ tướng Chính phủ tặng nhiều bằng khen, Cờ thi đua xuất sắc; được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Lao động hạng nhì.

Năm học 2025-2026: Trường có 01 Đảng bộ (trong đó có 02 Chi bộ Đảng) với 49 đảng viên; 01 tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với 07 đoàn viên; tổ chức Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh với 1158 đội viên. Quy mô trường 27 lớp với 1158 học sinh, 59 cán bộ - giáo viên - nhân viên, 04 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng.

#### **\* Thành tích qua các năm**

<b>Năm học</b>	<b>Danh hiệu thi đua</b>	<b>Hình thức khen thưởng</b>
2011 - 2012	Tập thể Lao động xuất sắc	Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên.
2012 - 2013	Tập thể Lao động xuất sắc	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên.
2013 - 2014	Tập thể Lao động xuất sắc	Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên. Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

2014 - 2015	Tập thể Lao động xuất sắc Cờ thi đua của Chính phủ Cờ thi đua xuất sắc UBND tỉnh	Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên.
2015 - 2016	Tập thể Lao động xuất sắc	- Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên. - Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên
2016 - 2017	Tập thể Lao động xuất sắc Cờ thi đua xuất sắc UBND tỉnh	Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên.
2017 - 2018	Tập thể Lao động xuất sắc	Giấy khen UBND TP Huân chương Lao động hạng Ba
2018 - 2019	Tập thể lao động xuất sắc Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT	Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên.
2019 - 2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Giấy khen UBND TP Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2020 - 2021	Tập thể lao động tiên tiến Tập thể Lao động xuất sắc Cờ thi đua của Chính phủ	Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên
2021 - 2022	Tập thể lao động tiên tiến Tập thể Lao động xuất sắc	Giấy khen UBND TP Giấy khen Sở Giáo dục
2022 - 2023	Tập thể lao động tiên tiến Tập thể Lao động xuất sắc Cờ thi đua xuất sắc UBND tỉnh	Giấy khen Sở Giáo dục Bằng khen của UBND tỉnh Huân chương Lao động hạng Nhì
2023-2024	Tập thể lao động tiên tiến Tập thể Lao động xuất sắc	Giấy khen
2024-2025	Tập thể lao động tiên tiến Tập thể Lao động xuất sắc Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh	Bằng khen của UBND tỉnh Bằng khen của Bộ Giáo dục thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” giai đoạn 2020-2025

**\* Chi bộ Đảng**

Năm	Danh hiệu	Hình thức khen
2015	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của Đảng ủy phường Noong Bua Chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh
2016	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của Đảng ủy phường Noong Bua Chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh

2017	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của Đảng ủy phường Noong Bua Chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh
2018	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của Đảng ủy phường Noong Bua Chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh
2019	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của Đảng ủy phường Noong Bua Chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh
2020	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của Đảng ủy phường Noong Bua Chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh Bằng khen của Đảng bộ tỉnh Điện Biên: Chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh 5 năm tiêu biểu từ 2016-2020.
2021	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của Đảng ủy phường Noong Bua Chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh
2023	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
2024	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của Đảng ủy phường Noong Bua Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024.

**\* Công đoàn**

Năm học	Danh hiệu thi đua	Hình thức khen thưởng
2011-2012	CĐCS vững mạnh	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Điện Biên
2012-2013	CĐCS vững mạnh	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Điện Biên
2013-2014	CĐCS vững mạnh	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Điện Biên
2014-2015	CĐCS vững mạnh	Giấy khen của CĐGD TP Điện Biên Phủ Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Điện Biên
2015-2016	CĐCS vững mạnh	Giấy khen của CĐGD Tỉnh Điện Biên
2016-2017	CĐCS vững mạnh	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Điện Biên
2017-2018	CĐCS vững mạnh	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Điện Biên
2017-2018	CĐCS vững mạnh	Bằng khen của Ban chấp hành LĐLĐ Tỉnh Điện Biên Bằng khen của BCH tổng LĐLĐ Việt Nam
2018-2019	CĐCS vững mạnh	Bằng khen của BCH tổng LĐLĐ Việt Nam

2019-2020	CĐCS hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Giấy khen của LĐLĐ thành phố
2020-2021	CĐCS Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Bảng khen của LĐLĐ tỉnh Điện Biên
2021-2022	CĐCS Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Giấy khen của LĐLĐ thành phố
2022-2023	CĐCS Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Bảng khen của LĐLĐ tỉnh Điện Biên
2023-2024	CĐCS Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Cờ thi đua của LĐLĐ tỉnh Điện Biên	Giấy khen của LĐLĐ thành phố
2024-2025	CĐCS Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Bảng khen của BCH LĐLĐ tỉnh Điện Biên giai đoạn năm 2020-2025

#### 6. Thông tin người đại diện pháp luật

- **Người đại diện pháp luật:** Nhà giáo Ưu tú Cao Thị Đại
- **Chức vụ:** Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng
- **Địa chỉ nơi làm việc:** Tổ 4 - Khe Chít, Phường Mường Thanh, Tỉnh Điện Biên
- **Điện thoại:** 0912.522.589
- **Gmail:** champagdtpdbp@gmail.com

#### 7. Tổ chức bộ máy:

##### a) Quyết định thành lập trường:

- Quyết định số 1818/2001/QĐ-UB ngày 25/5/2001 của UBND thị xã Điện Biên Phủ: V/v tách trường phổ thông cơ sở xã Noong Bua để thành lập trường Tiểu học và Trung học cơ sở Noong Bua.

- Quyết định số 272/2003/QĐ-UB ngày 3/9/2003 của UBND thị xã Điện Biên Phủ về việc đổi tên trường từ trường THCS Noong Bua thành trường THCS Him Lam.

- Quyết định số 1962/QĐ-UB ngày 28/6/2005 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc điều chuyển viên chức, người lao động.

##### b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường

Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 về việc Thành lập Hội đồng trường THCS Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, nhiệm kỳ 2023-2028 gồm 11 thành viên gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ
----	-----------	-----------	----------

1	Cao Thị Đại	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐT
2	Nguyễn Mạnh Thắng	Phó Hiệu trưởng – Chủ tịch công đoàn	Thành viên
3	Phó chủ tịch phụ trách Văn - xã UBND phường	UBND phường Noong Bua (cũ)	Thành viên
4	Trưởng Ban ĐDCMHS	Ban ĐDCMHS trường THCS Him Lam	Thành viên
5	Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng CM tổ Toán - Lí	Thành viên
6	Lê Thị Ngọc	Tổ trưởng CM tổ Văn- KHXH- GDCD	Thành viên
7	Bùi Thị Hồng Lan	Tổ trưởng CM tổ Ngoại ngữ- HĐGD	Thành viên
8	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Kế toán - Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
9	Mai Thị Ngọc Linh	Bí thư đoàn thanh niên	Thành viên
10	Hoàng Thị Phương Thảo	Đại diện tổ CM Sinh - Hóa- Địa	Thư kí HĐT
11	Bùi Quang Anh	Học sinh lớp 9D1	Thành viên

**c) Các quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường**

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Hiệu trưởng Cao Thị Đại: Số 22/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND Phường Mường Thanh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng:

+ Đồng chí phó Hiệu trưởng Nguyễn Mạnh Thắng: Số 33/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND Phường Mường Thanh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

+ Đồng chí phó Hiệu trưởng Hà Thị Liên: Số 29/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND Phường Mường Thanh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

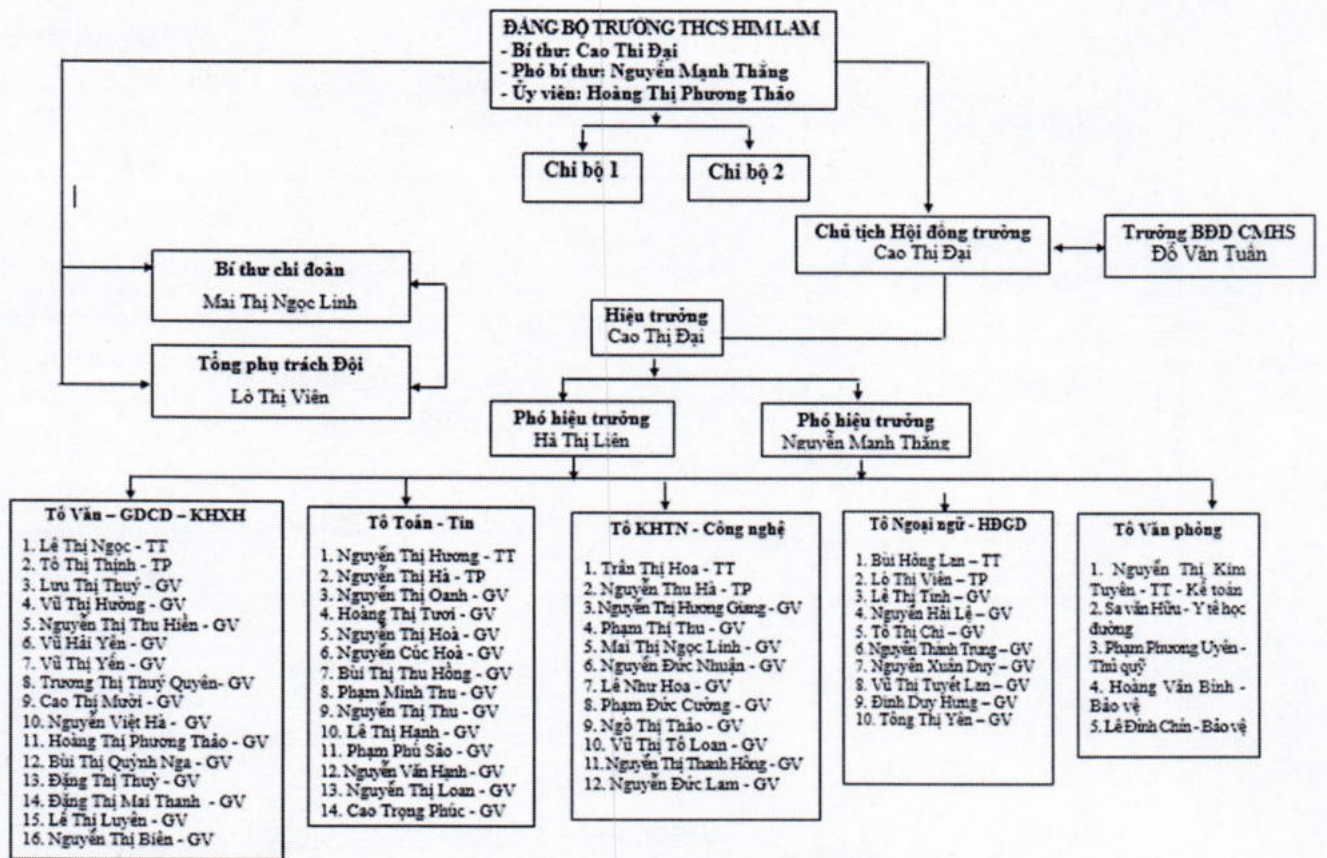
**d) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THCS Him Lam:**

- Căn cứ theo Luật giáo dục số 43//2019/QH14 ngày 14/6/2024.

- Căn cứ theo Thông tư số 32/2020/TT- BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Quyết định số 258/QĐ-THCSHL ngày 27/9/2025 của Hiệu trưởng Trường THCS Him Lam về việc Ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường THCS Him Lam, Phường Mường Thanh, Tỉnh Điện Biên.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG THCS HIM LAM**



**đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên:**

Quyết định số 198/QĐ-THCSHL ngày 07/8/2025 của Trường THCS Him Lam về việc Biên chế các tổ chuyên môn và tổ văn phòng - Năm học 2025-2026.

**e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, của Ban giám hiệu nhà trường; tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn, tổ văn phòng**

St t	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử	Nhiệm vụ
1	Cao Thị Đại	Hiệu trưởng	0912522589	<a href="mailto:champagdtpdbp@gmail.com">champagdtpdbp@gmail.com</a>	Phụ trách chung
2	Nguyễn Mạnh Thắng	Phó hiệu trưởng	09125848568	<a href="mailto:mrthangnguyen25@gmail.com">mrthangnguyen25@gmail.com</a>	Phụ trách CSVC - ANTT - ATTH, chuyển đổi số, phổ cập, phong trào
3	Hà Thị Liên	Phó hiệu trưởng	0915554892	<a href="mailto:lienhimlam2020@gmail.com">lienhimlam2020@gmail.com</a>	Phụ trách chuyên môn, thống kê, giáo dục pháp luật
4	Lê Thị Ngọc	Tổ trưởng	0388151969	<a href="mailto:lengochimlam69@gmail.com">lengochimlam69@gmail.com</a>	Tổ trưởng tổ chuyên môn Ngữ văn - GDGD - KHXH

5	Tô Thị Thịnh	Tổ phó	0855780136	<a href="mailto:thinhto42@gmail.com">thinhto42@gmail.com</a>	Tổ phó tổ chuyên môn Ngữ văn - GDCD - KHXH
6	Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng	0853865886	<a href="mailto:hngnt74@gmail.com">hngnt74@gmail.com</a>	Tổ trưởng tổ chuyên môn Toán - Tin
7	Nguyễn Thị Hà	Tổ phó	0984431739	<a href="mailto:nguyenthihananh@gmail.com">nguyenthihananh@gmail.com</a>	Tổ phó tổ chuyên môn Toán - Tin
8	Trần Thị Hoa	Tổ trưởng	0975999134	<a href="mailto:tranhoa7373@gmail.com">tranhoa7373@gmail.com</a>	Tổ trưởng tổ chuyên môn KHTN - CN
9	Lê Như Hoa	Tổ phó	0366324852	<a href="mailto:hoaletheshimlam@gmail.com">hoaletheshimlam@gmail.com</a>	Tổ phó tổ chuyên môn KHTN - CN
10	Bùi Thị Hồng Lan	Tổ trưởng	0945537349	<a href="mailto:lanbui201278@gmail.com">lanbui201278@gmail.com</a>	Tổ trưởng tổ chuyên môn Ngoại ngữ - Hoạt động giáo dục
11	Lò Thị Viên	- Tổ phó - Tổng phụ trách đôi	0964070775	<a href="mailto:vienmailinh99@gmail.com">vienmailinh99@gmail.com</a>	- Tổ phó tổ chuyên môn Ngoại ngữ - Hoạt động giáo dục - Đội thiếu niên
12	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Tổ trưởng	0336567268	<a href="mailto:nguyentuyenkt1981@gmail.com">nguyentuyenkt1981@gmail.com</a>	Tổ trưởng tổ Văn phòng
13	Mai Thị Ngọc Linh	Bí thư đoàn thanh niên	0833159199	<a href="mailto:mai.ngoclinh1992@gmail.com">mai.ngoclinh1992@gmail.com</a>	Phụ trách Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh
Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 4 - Khe Chít, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên					

### 8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Kế hoạch số 229/KH-THCSHL ngày 08/9/2024 về Kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20/2/2025 về Nghị quyết phiên họp thứ 7 Hội đồng trường THCS Him Lam, nhiệm kỳ 2023 -2028. Nghị quyết số 166/NQ-HĐT ngày 28/5/2025 về Nghị quyết phiên họp thứ 8 Hội đồng trường THCS Him Lam, nhiệm kỳ 2023 - 2028. Kế hoạch số 207/KH-THCSHL ngày 19/8/2025 về Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026. Nghị quyết số 208/NQ-HĐT ngày 18/9/2025 về phê duyệt Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026. Kế hoạch số 286/KH-THCSHL ngày 15/10/2025 về Kế hoạch kiểm tra nội bộ

năm học 2025 - 2026; Kế hoạch số 255/KH-THCSHL ngày 25/9/2025 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.

Quyết định số 215/QĐ-THCSHL ngày 23/8/2025 về thành lập Ban thực hiện công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục Trường THCS Him Lam. Kế hoạch số 265/KH-THCSHL ngày 30/9/2025 về việc Thực hiện Quy định công khai trong hoạt động cơ sở giáo dục Trường THCS Him Lam. Quyết định 271/QĐ-THCSHL ngày 03/10/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo quy chế thực hiện dân chủ cơ sở Trường THCS Him Lam. Quyết định 273/QĐ-THCSHL ngày 06/10/2025 về việc bổ sung sửa đổi quy chế thực hiện dân chủ cơ sở Trường THCS Him Lam.

Kế hoạch 245/KH-THCS ngày 15/9/2025 về việc Vận động tài trợ - Năm học 2025-2026. Số 278/BC-THCS ngày 08/10/2025 về việc Báo cáo các khoản thu – chi trong cơ sở giáo dục – Năm học 2025-2026. Thông báo 328/TB-THCSHL ngày 12/11/2015 về các khoản thu năm học 2025-2026. Thư ngỏ về vận động tài trợ năm học 2025-2026 của Trường THCS Him Lam, tỉnh Điện Biên.

Quyết định 258/QĐ-THCSHL ngày 27/9/2025 về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THCS Him Lam, Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.

Quyết định số 414/QĐ-THCSHL ngày 31/12/2024 về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường THCS Him Lam, phường Mường Thanh. Quyết định số 397/QĐ-THCSHL ngày 17/12/2025 về công bố công khai tiếp nhận tài trợ năm học 2025–2026.

Quyết định số 415/QĐ-THCSHL ngày 26/12/2025 về công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Kế hoạch số 399/KH-THCSHL ngày 17/12/2025 về Kế hoạch sử dụng kinh phí tài trợ năm học 2025–2026. Báo cáo số 398/BC-THCSHL ngày 17/12/2025 về báo cáo công khai sử dụng kinh phí tài trợ năm học 2025–2026.

Kế hoạch số 204/KH-THCSHL ngày 18/8/2025 về mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học năm 2025. Quyết định số 113/QĐ-THCSHL ngày 31/12/2024 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công Trường THCS Him Lam.

Kế hoạch số 285/KH-THCSHL ngày 15/10/2025 về Hoạt động y tế trường học năm học 2025-2026.

Kế hoạch số 230/KH-THCSHL ngày 05/9/2025 về Kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng năm học 2025 - 2026.

Quyết định số 20/QĐ-THCSHL ngày 03/2/2023 về ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ Trường THCS Him Lam.

Quy tắc số 71/QT-THCSHL ngày 04/4/2023 về Quy tắc ứng xử Trường THCS Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Quy chế số 156/QC-THCSHL ngày 30/8/2018 về Quy chế phối hợp giữa gia đình -nhà trường - xã hội trong việc giáo dục học sinh.

Quyết định 20/QĐ-THCSHL ngày 14/01/2026 về việc công bố công khai báo cáo thường niên năm 2025 Trường THCS Him Lam.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:**

**1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo, chuẩn nghề nghiệp:**

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025	
		Số lượng người làm việc đang thực hiện	Trình độ đào tạo	Số lượng người làm việc đang thực hiện	Trình độ đào tạo
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 vị trí)</b>	<b>3</b>		<b>3</b>	
1	Hiệu trưởng	1	01: đại học	1	01: đại học
2	Phó Hiệu trưởng	2	02: đại học	2	02: đại học
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (07 vị trí)</b>	<b>50</b>		<b>51</b>	
1	Giáo viên THCS hạng I	0		0	
2	Giáo viên THCS hạng II	46	- 02: thạc sỹ - 44: đại học	46	- 02: thạc sỹ - 44: đại học
3	Giáo viên THCS hạng III	3	- 01 cao đẳng - 02 đại học	4	- 01 cao đẳng - 04 đại học
4	Thiết bị, thí nghiệm	1	01: đại học	1	01: đại học
5	Giáo vụ	0		0	
6	Tư vấn học sinh	0		0	
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0		0	
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung ( 06 vị trí)</b>	<b>2</b>		<b>2</b>	
1	Thư viện	0		0	
2	Quản trị công sở	0		0	

3	Văn thư	0		0	
4	Thủ quỹ	0		0	
5	Kế toán	1	01: đại học	1	01: đại học
6	Y tế học đường	1	01: trung cấp	1	01: trung cấp
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (02 vị trí)</b>	<b>3</b>		<b>3</b>	
1	Nhân viên Phục vụ	1	01: cao đẳng	1	01: cao đẳng
2	Nhân viên Bảo vệ	2	02: sơ cấp	2	02: sơ cấp
	<b>Cộng (I+II=III+IV)</b>	<b>58</b>		<b>59</b>	

**b) Số lượng giáo viên, tỷ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo qui định**

Năm học	Số biên chế	Trình độ chuẩn						Xếp loại chuẩn	Xếp loại viên chức
		Chưa đạt chuẩn		Đạt chuẩn		Trên chuẩn			
		Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)		
2023-2024	52	1	1,9	49	94,3	2	3,8	- Tốt: 44 = 84,6% - Khá: 8 = 15,4%	- Xuất sắc: 12 = 20,6% - Tốt: 40 = 79,4%
2024-2025	56	0	0	54	96,4	2	3,6	Không đánh giá	Xuất sắc: 12 = 21,4% - Tốt: 44 = 78,6%

**3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.**

Năm học	Bồi dưỡng thường xuyên		Bồi dưỡng chuyên môn		Các bồi dưỡng khác	
	SL	%	SL	%	SL	%
2023 - 2024	58	100	58	100	40	69,0
2024 - 2025	59	100	59	100	0	0

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Diện tích trường.

Trường có 01 cơ sở với diện tích là 15.184m<sup>2</sup>; diện tích bình quân 13,1m<sup>2</sup>/học sinh. So với yêu cầu tối thiểu thì thừa so với quy định (tối thiểu là 6m<sup>2</sup>/học sinh).

**2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định**

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích	Bình quân/đối sánh với yêu cầu tối thiểu
<b>I</b>	<b>Khối phòng hành chính quản trị</b>			
1	Phòng Hiệu trưởng	1	22	Diện tích không nhỏ hơn 12m <sup>2</sup> , có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	50	Diện tích không nhỏ hơn 12m <sup>2</sup> , có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.
3	Phòng Kế toán	1	25	Diện tích không nhỏ hơn 12m <sup>2</sup> , có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.
4	Phòng đoàn thể	1	25	Diện tích không nhỏ hơn 12m <sup>2</sup> , có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.
5	Phòng Văn thư	1	12	Diện tích không nhỏ hơn 12m <sup>2</sup> , có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.
6	Phòng Y tế	1	25	Diện tích không nhỏ hơn 12m <sup>2</sup> , có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.
7		1	12	Diện tích không nhỏ hơn 12m <sup>2</sup> , có đầy đủ máy móc,

	Phòng Lưu trữ hồ sơ			thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.
<b>II</b>	<b>Khối phòng học tập</b>			
1	Phòng học	27	1,358	Bình quân 1,3 m <sup>2</sup> /học sinh, bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.
1.1	Kiên cố	25	1,250	
1.2	Bán kiên cố	2	108	
1.3	- Phòng học tạm	0	0	
1.4	- Phòng học nhờ, mượn	0	0	
<b>III</b>	<b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>			
1	Phòng học bộ môn			
1.1	- Phòng bộ môn Âm nhạc	1	60	Đảm bảo
1.2	- Phòng bộ môn Mỹ thuật	0	0	Đảm bảo
1.3	- Phòng bộ môn Tin học	1	60	Đảm bảo
1.4	- Phòng bộ môn Tiếng Anh	1	60	Đảm bảo
1.5	- Phòng bộ môn Công nghệ	1	60	Đảm bảo
1.6	- Phòng bộ môn KHTN	2	120	Đảm bảo
	Thư viện			Diện tích không nhỏ hơn 60m <sup>2</sup> , có tủ sách dùng chung;

2		1	65	có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh.
3	Phòng thiết bị, thí nghiệm	1	40	Có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường.
4	Phòng Đoàn Đội	1	30	Diện tích không nhỏ hơn 24 m <sup>2</sup> , đảm bảo trang bị đầy đủ các thiết bị.
5	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập	1	25	Diện tích không nhỏ hơn 24m <sup>2</sup> , Đảm bảo được bố trí ở tầng 1
6	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất)	1	396	Đảm bảo
7	Phòng Truyền thống	0	0	
<b>IV.</b>	<b>Khối phụ trợ</b>			
1	Phòng Bảo vệ	1	30	Đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi.
2	Phòng Kho	7	120	Đảm bảo
3	Khu để xe của HS	1	400	Có mái che, đủ để xe cho HS.
4	Khu để xe của CB, GV, NV	2	100	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.
5	Khu vệ sinh HS	14		Phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường.

6	Khu vệ sinh dùng cho GV	12		Phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Số lượng thiết bị vệ sinh đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định.
7	Cổng, hàng rào, khuôn viên trường	Có		Đảm bảo được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.
V	<b>Khu sân chơi, thể dục thể thao</b>	1	5,000	4,4 m <sup>2</sup> /học sinh, đảm bảo để tổ chức các hoạt động chung của toàn trường, sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát, đảm bảo an toàn cho học sinh.
VI	<b>Khối phục vụ sinh hoạt</b>			
1	Phòng giáo viên	4	100	Đảm bảo
2	Phòng họp Hội đồng	1	54	Diện tích không nhỏ hơn 12m <sup>2</sup> , có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.
VII	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>			
1	Hệ thống cấp nước sạch	Có		Bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định; hệ thống thoát nước có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định.
2	Hệ thống cấp điện	Có		Bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường.
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy			Bảo đảm theo các quy định hiện hành và hằng năm được Công an PCCC tỉnh Điện

		Có		Biên kiểm tra chứng nhận nhà trường đảm bảo các quy định về PCCC.
4	Hạ tầng công nghệ thông tin	Có		Nhà trường đảm bảo các đường truyền có kết nối Internet, mạng Wifi phục vụ các hoạt động.
5	Khu thu gom rác thải	Có		Được bố trí độc lập, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; không ảnh hưởng đến môi trường.

## 2. Thiết bị dạy học hiện có

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo danh mục thiết bị đồ dùng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên, việc học tập của học sinh theo Chương trình GDPT 2018.

VII	Nội dung	Số lượng (bộ)	Số bộ/lớp
<b>I</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định</b>	7	
1	Khối lớp 6	2	
2	Khối lớp 7	2	
3	Khối lớp 8	2	
4	Khối lớp 9	1	
<b>II</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định</b>	0	
1	Khối lớp 6	0	
2	Khối lớp 7	0	
3	Khối lớp 8	0	
4	Khối lớp 9	0	
III	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	400	
<b>IV</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	64	17 HS/bộ
<b>V</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	19	

3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	31	1/1
5	Máy in phục vụ làm việc	12	
6	Thiết bị khác...	0	
7	.....		
<b>X</b>	<b>Danh mục sách giáo khoa, sách tham khảo</b>		
<b>1</b>	<b>Danh mục sách giáo khoa</b>	<b>1.667</b>	
1.1	SGK lớp 6 (bản)	531	
1.2	SGK lớp 7 (bản)	398	
1.3	SGK lớp 8 (bản)	364	
1.4	SGK lớp 9 (bản)	374	
1.5	Sách giáo khoa theo mô hình trường học mới	308	
<b>2</b>	<b><i>Danh mục sách GV theo CT GDPT 2016</i></b>	<b>450</b>	
2.1	SGV lớp 6 (bản)	124	
2.2	SGV lớp 7 (bản)	103	
2.3	SGV lớp 8 (bản)	81	
2.4	SGV lớp 9 (bản)	142	
<b>3</b>	<b><i>Sách giáo viên GV theo CT GDPT 2018</i></b>	<b>603</b>	
3.1	SGV lớp 6 (bản)	145	
3.2	SGV lớp 7 (bản)	136	
3.3	SGV lớp 8 (bản)	168	
3.4	SGV lớp 9 (bản)	154	
<b>4</b>	<b>Sách tham khảo các loại (bản)</b>	<b>4.044</b>	
<b>5</b>	<b>Truyện đọc thiếu nhi</b>	<b>1.131</b>	
<b>6</b>	<b>Sách pháp luật</b>	<b>546</b>	
<b>7</b>	<b>Sách tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên</b>	<b>1.540</b>	
7.1	Lớp 6	385	
7.2	Lớp 7	385	
7.3	Lớp 8	385	
7.4	Lớp 9	385	

**3. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.**

<b>Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt</b>			
<b>I</b>			
<b>TT</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
<b>1</b>	<b>Danh mục sách giáo khoa lớp 6</b>		
1.1	Ngữ văn 6 Tập 1 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 6 Tập 2 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1.2	Toán 6, Tập 1 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 6, Tập 2 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1.3	Tiếng Anh 6 Tập 1 <i>Global Success</i>	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh 6 Tập 2 <i>Global Success</i>	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
.4	Giáo dục công dân 6 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1.5	Khoa học tự nhiên 6 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên) Đoàn Đình Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng chủ biên); Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

1.6	Lịch sử và Địa lí 6 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1.7	Tin học 6 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1.8	Công nghệ 6 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1.9	Âm nhạc 6 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1.10	Mĩ thuật 6 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1.11	Giáo dục thể chất 6 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
1.12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
<b>2</b>	<b>Danh mục sách giáo khoa lớp 7</b>		
<b>TT</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
2.1	Ngữ văn 7, tập một ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7, tập hai ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2.2	Toán 7, tập một ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 7, tập hai ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.3	Tiếng Anh 7 <i>Global Success</i>	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.4	Giáo dục công dân 7 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.5	Khoa học tự nhiên 7 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.6	Lịch sử và Địa lí 7 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.7	Tin học 7 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.8	Công nghệ 7 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đồng huy giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, kim Văn Vạn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.9	Âm nhạc 7 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.10	Mĩ Thuật 7 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2.11	Giáo dục thể chất 7 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2.12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
<b>3 Danh mục sách giáo khoa lớp 8</b>			
<b>TT</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
3.1	Ngữ văn 8, tập một ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 8, tập hai ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.2	Toán 8, tập một ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 8, tập hai ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.3	Tiếng Anh 8 ( <i>Global Success</i> )	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.4	Giáo dục công dân 8 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3.5	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.6	Lịch sử và Địa lí 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.7	Tin học 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.8	Công nghệ 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.9	Âm nhạc 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.10	Mĩ thuật 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.11	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3.12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

<b>4 Danh mục sách giáo khoa lớp 9</b>			
<b>TT</b>	<b>Tên sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>
4.1	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt	
4.2	Toán 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	
4.3	Tiếng Anh 9 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4.4	Lịch sử và Địa lí 9 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4.5	Giáo dục công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4.6	Tin học 9 ( <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> )	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

4.7	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
4.8	Mỹ thuật 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
4.9	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
4.10	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
4.11	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
4.12	Công nghệ 9- Mô đun Chế biến thực phẩm Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Thành (Chủ biên), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
4.13	Khoa học tự nhiên 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tường Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
II	<b>Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>				
TT	Tên sách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú	
1	Đề học tốt khoa học tự nhiên 6-KNTTVCS	Bản	2		
2	Bộ đề kiểm tra khoa học tự nhiên 6 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	2		
3	Bài tập phát triển năng lực Khoa học tự nhiên 6 (Theo CT GDPT 2018)	Bản	2		
4	Toán Cơ bản và nâng cao 6/1 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	1		
5	Bài tập nâng cao và một số chuyên đề toán 6/1 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	2		

6	Bài tập nâng cao và một số chuyên đề toán 6/2 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	2	
7	Bộ đề kiểm tra Khoa học tự nhiên 7 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	2	
8	Bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên 7 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	2	
9	Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 7 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	2	
10	Toán cơ bản và nâng cao 7/1(theo chương trình giáo dục PT 2018	Bản	2	
11	Toán cơ bản và nâng cao 7/2(theo chương trình giáo dục PT 2018	Bản	2	
12	Bài tập nâng cao và một số chuyên đề toán 7/2 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	2	
13	Đề học tốt Khoa học tự nhiên 8 (KNTTVCS)	Bản	2	
14	Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 8 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	2	
15	Bài tập nâng cao và một số chuyên đề Toán 8/1 (Theo CT GDPT 2018)	Bản	2	
16	Bài tập nâng cao và một số chuyên đề Toán 8/2 (Theo CT GDPT 2018)	Bản	2	
17	Đề học tốt Khoa học tự nhiên 9 (KNTTVCS)	Bản	2	
18	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (THCS)	Bản	2	
19	Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 9 (Theo CT GDPT 2018)	Bản	2	
20	Hướng dẫn dạy học môn toán THCS theo chương trình GDPT mới	Bản	2	
21	Hướng dẫn dạy học môn ngữ văn THCS theo CTGDPT mới	Bản	2	
22	Hướng dẫn dạy học môn lịch sử và địa lí THCS	Bản	2	
23	Hướng dẫn dạy học môn giáo dục công dân THCS theo CTGDPT mới	Bản	1	
24	Hướng dẫn dạy học môn nghệ thuật THCS theo CTGDPT mới phần mỹ thuật	Bản	1	
25	Hướng dẫn dạy học môn công nghệ THCS theo CTGDPT mới	Bản	1	
26	Hướng dẫn dạy học môn tin học THCS theo CTGDPT mới	Bản	1	
27	Hướng dẫn dạy học môn giáo dục thể chất THCS theo CTGDPT mới	Bản	1	
28	Hướng dẫn tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp THCS theo chương trình GDPT mới	Bản	2	
29	Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh THCS trong dạy học ngữ văn theo CT GDPT 2018	Bản	2	
30	Hỏi đáp về chương trình giáo dục phổ thông	Bản	2	
31	Chương trình giáo dục phổ thông (ban hành kèm theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT)	Bản	4	
32	Kĩ thuật và nghệ thuật giải toán hình học phẳng dành cho học sinh lớp 8.9 quyển 1	Bản	2	
33	Sổ tay dạy học ngữ văn	Bản	2	

34	Đánh giá năng lực phẩm chất học sinh	Bản	4	
35	Quản lí và lãnh đạo nhà trường	Bản	3	
36	Quyền lực mềm	Bản	2	
37	Giải mã tâm lí - Khám phá những bí ẩn trong hành vi và cảm xúc	Bản	2	
38	Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên	Bản	3	
39	Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học	Bản	3	
40	GT Xây dựng kế hoạch dạy học môn ngữ văn	Bản	2	
41	Hồi ức Điện Biên Phủ (Bìa cứng) Những nhân chứng lên tiếng	Bản	1	
42	Văn hóa học đường Dành cho học sinh lớp 6	Bản	2	
43	Văn hóa học đường Dành cho học sinh lớp 7	Bản	2	
44	Văn hóa học đường Dành cho học sinh lớp 8	Bản	2	
45	Văn hóa học đường Dành cho học sinh lớp 9	Bản	2	
46	Atlas Địa lí Việt Nam (Theo Chương trình GDPT 2018)	Bản	2	
47	Toán Cơ bản và nâng cao 6/2 (Chương trình GDPT 2018)	Bản	1	
48	Toán cơ bản và nâng cao 9/1 (KNTTVCS)	Bản	1	
49	Toán cơ bản và nâng cao 9/2 (KNTTVCS)	Bản	1	
<b>Tổng</b>			<b>95</b>	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Him Lam được công nhận chuẩn quốc gia giai đoạn III mức độ 2, cơ sở giáo dục đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 từ năm 2020.

Năm học 2024-2025 nhà trường thành lập hội đồng tự đánh giá và tiến hành tự đánh giá, cải tiến chất lượng hàng năm.

Hiện nay, trường đang phấn đấu duy trì đạt trường chuẩn quốc gia giai đoạn IV mức độ 2, cơ sở giáo dục đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

*(Kèm theo Báo cáo tự đánh giá và kế hoạch cải tiến chất lượng 5 năm)*

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

**1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:**

Năm học		2023-2024	2024-2025
Kết quả tuyển sinh đầu năm		291	272
Tổng số học sinh theo khối	Khối 6	329	272
	Khối 7	284	325
	Khối 8	257	285

	Khối 9	215	260
	<b>Toàn trường</b>	<b>1087</b>	1142
Số học sinh bình quân/lớp	Khối 6	41,1	45,3
	Khối 7	40,5	40,6
	Khối 8	42,8	40,7
	Khối 9	43,0	43,3
	<b>Toàn trường</b>	<b>41,8</b>	<b>1142</b>
Số lượng học sinh 2 buổi/ngày		<b>1087</b>	<b>1142</b>
Số lượng HS nam/nữ		565/522	574/564
Số lượng HS là người dân tộc thiểu số		199	208
Số lượng HS khuyết tật		3	3
Số lượng HS chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường		Chuyển trường 5 và tiếp nhận 3	Chuyển trường 15 và tiếp nhận 11

**2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.**

TT	Nội dung	Tổng số		Chia ra theo khối lớp							
		SL	%	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	1138		271		325		283		259	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1096	96,31	262	96,68	306	94,15	271	95,76	257	99,23
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)			36	3,16	9	3,32	15	4,62	10	3,53

3	Đạt	6	0,53	0	0	4	1.23	2	0.71	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)										
4	Chưa đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)										
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1138</b>		<b>271</b>		<b>325</b>		<b>283</b>		<b>259</b>	
1	Tốt	708	62.21	154	56.8 3	187	57.5 4	189	66.7 8	178	68.7 3
	(tỷ lệ so với tổng số)										
2	Khá	272	23.9	72	26.5 7	78	24.0	63	22.2 6	59	22.7 8
	(tỷ lệ so với tổng số)										
3	Đạt	152	13.36	40	14,7 6	59	18,1 5	31	10.9 5	22	8.49
	(tỷ lệ so với tổng số)										
4	Chưa đạt	6	0.53	5	1.85	1	0.31	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)										
5	Kém	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)										
<b>III</b>	<b>Tổng hợp p kết quả cuối năm</b>										
1	Lên lớp	1138	100	271	100	325	100	283	100	259	100



	<b>học sinh giỏi</b>										
1	Cấp huyện	<b>116</b>						6	2,1	110	42,5
2	Cấp tỉnh/thành phố	<b>76</b>						5	1,7	71	27,4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	<b>15</b>		1	0,36	1	0,30	5	1,76	8	3,08
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp									259	100
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp									259	100
VII	Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp									0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)										
VII I	Số học sinh nam/số học sinh nữ	574/564	50/49	132/139	48/51	174/151	53/46	131/152	46/53	137/122	52/47
IX	Số học sinh dân	205	18,01	43	15,86	59	18,15	51	18,02	52	20,07

tộc thiểu số											
--------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

(Có biểu công khai kèm theo)

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục năm 2025

Trường THCS Him Lam đã tích cực tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh, thành phố, phường Noong Bua và các văn bản của Sở, Phòng GDĐT, UBND Phường Noong Bua về việc thực hiện nhiệm vụ PCGD-XMC theo Kế hoạch số Kế hoạch số 1584/KH-UBND ngày 17/6/2021 về PCGD-XMC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030; số 901/KH-UBND ngày 04/3/2024 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 05/01/2024 của BCT về công tác PCGD, giáo dục bắt buộc, XMC cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong GDPT, trên địa bàn tỉnh. Làm tốt công tác điều tra, cập nhật thông tin và thu thập minh chứng của các đối tượng trong độ tuổi phổ cập; đối chiếu, rà soát số liệu. Tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tối đa dân số trong độ tuổi đến trường ra lớp, duy trì sỹ số học sinh, không để học sinh bỏ học giữa chừng, không có học sinh không chuyên cần. Làm tốt công tác điều tra, cập nhật thông tin và thu thập minh chứng của các đối tượng trong độ tuổi phổ cập; đối chiếu, rà soát số liệu. Tập trung huy động các đối tượng trong độ tuổi ra lớp; nắm chắc tình hình, nguyên nhân học sinh chưa ra lớp, học sinh bỏ học. Thường xuyên phối hợp với chính quyền, các tổ chức đoàn thể tại địa phương xây dựng các giải pháp huy động tối đa trẻ trong độ tuổi ra lớp và duy trì số lượng học sinh. Thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin PCGD-XMC của Bộ GD&ĐT. Hoàn thiện cập nhật dữ liệu vào các biểu thống kê của đơn vị và gửi Phòng GD&ĐT theo quy định; tổng hợp, đánh giá kết quả và báo cáo tình hình thực hiện PCGD-XMC của địa phương, hoàn thiện hồ sơ, tham mưu các cấp, đón các đoàn kiểm tra công nhận đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn PCGD- XMC; quản lý và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Trường THCS Him Lam đã phối hợp với các đơn vị trường trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ PCGD THCS; tập trung huy động đối tượng trong độ tuổi từ 15-18 đã hoàn thành chương trình THCS vào học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT; duy trì sỹ số học sinh.

### 2. Kết quả các cuộc thi: Kết quả các cuộc thi đạt và vượt kế hoạch đề ra cụ thể:

Cuộc thi Các môn	Năm học	Cấp thành phố (phường)					Cấp tỉnh					Cấp Quốc gia					Toàn đoàn
		Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK	

Văn hóa cấp tỉnh	2022 - 2023	109	8	13	49	39	76	5	14	40	17						
	2023-2024	119	9	23	23	64	74	6	16	27	25						
	2024-2025	116	10	20	30	56	76	6	9	30	31						
	2025-2026	80	8	13	25	34	74	11	29	26	8						
Máy tính cầm tay lớp 9	2022 - 2023	23	1	7	11	4	19	2	8	4	5						
	2023-2024	Không tổ chức															
Thi Olympic các môn Văn hóa 6,7,8 cấp thành phố	2022 - 2023	222	7	18	75	122											
	2023-2024	Không tổ chức															
Violympic	2022-2023											41	3	5	8	25	
	2023-2024											8			1	7	
	2024-2025											7			1	6	
Ioc	2022-2023											5		3	2		
	2023-2024											7		2	3	2	
	2024-2025											10	1	0	5	4	
Khoa học kĩ thuật	2022 - 2023	4	2	2			2		2								
	2023-2024	3	2		1		2	1	1							1	
	2024-2025	2	2				2		2								
Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng	2022-2023	0					0										
	2023-2024	1					1		1							1	
	2024-2025	2			1	1	1		1								
Hội khỏe phù đổng	2022-2023	0					0										
	2023-2024	51	13	12	26		58	28	12	18		7	1	4	2		Nhật

Giải bơi truyền thống	2022-2023	42	15	15	12													Nhật	
	2023-2024	48	17	10	21														Nhật
Giải bóng đá truyền thống học sinh	2022-2023	2	1		1														
	2023-2024	Không tổ chức																	
Thi game show âm vang Điện Biên	2023-2024							1	1										
Thi dân ca, dân vũ	2023-2024	1	1					1		1									
Thi vẽ tranh "Sắc màu Điện Biên"	2023-2024							1		1									
Cuộc thi Sáng tác văn học thiếu nhi "Mái trường mến yêu của em"	2023-2024													1					1

### 3. Kết quả thi đua năm học 2024-2025

- Thành tích của tập thể nhà trường đạt:
  - + Tập thể lao động xuất sắc; Bằng khen của UBND tỉnh
  - + Bằng khen của Bộ Giáo dục thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" giai đoạn 2020-2025
  - + 58/58: Cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt lao động tiên tiến
- Thành tích cá nhân:
  - + Nhà giáo Ưu tú: 06
  - + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 13
  - + Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen: 02
  - + Bằng khen của UBND tỉnh: 02
  - + Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 22
  - + Giấy khen của UBND thành phố Điện Biên Phủ: 11

- + Giáo viên dạy giỏi các cấp đạt: Cấp tỉnh 19; cấp thành phố: 14; cấp trường: 15
- + Có sáng kiến kinh nghiệm các cấp: Cấp trường, cấp thành phố: 19
- Đoàn thanh niên, đội thiếu niên: Được thành đoàn Điện Biên Phủ khen có thành tích nổi bật trong công tác.

Trên đây là Báo cáo Thường niên trường THCS Him Lam năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- CBGV, NV, PH, HS;
- Trên Website trường;
- Lưu: VT, công khai.



**Cao Thị Đại**